

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ BẢO HIỂM RỪNG - NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VỀ CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM RỪNG Ở VIỆT NAM

Phạm Thị Luyện, Nguyễn Tiến Hải
Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Bài báo hệ thống hóa cơ sở lý luận về bảo hiểm rừng và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của một số nước trên thế giới về bảo hiểm rừng. Kết quả hệ thống hóa cơ sở lý luận về bảo hiểm rừng đã đưa ra được các loại rủi ro cơ bản đối với rừng, các loại hình và các đặc trưng liên quan đến bảo hiểm rừng, cách tính phí bảo hiểm. Bảo hiểm rừng được sự quan tâm của nhiều nước trên thế giới và đã mang lại nhiều tác động tích cực cho người trồng rừng khi rủi ro xảy ra. Kinh nghiệm thực tiễn triển khai chính sách bảo hiểm rừng trồng của các nước trên thế giới cũng đã cho thấy được vai trò của Nhà nước trong triển khai chính sách bảo hiểm rừng. Từ đó, nghiên cứu đưa ra những bài học kinh nghiệm và những định hướng cho xây dựng và triển khai chính sách bảo hiểm rừng ở Việt Nam trong thời gian tới. Theo đó, Nhà nước được xem như một chủ thể quan trọng trong thực hiện bảo hiểm rừng. Một số gợi ý chính sách bảo hiểm rừng trong thời gian tới là: xây dựng chính sách bảo hiểm rừng trồng, thực hiện thí điểm bảo hiểm rừng trồng. Việc thí điểm tập trung vào loại rủi ro chính (bão lũ), cho loài cây rừng trồng phổ biến (keo) của rừng trồng sản xuất. Nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm trong giai đoạn đầu triển khai. Bên cạnh đó, thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về bảo hiểm rừng.

Từ khóa: Bảo hiểm rừng, chính sách, rủi ro, rừng trồng sản xuất

THEORETICAL AND PRACTICAL BASIS OF FOREST INSURANCE - ORIENTATIONS FOR FOREST INSURANCE POLICY IN VIETNAM

Pham Thi Luyen, Nguyen Tien Hai
Forestry Economics Research Centre

SUMMARY

The article has systematized the theoretical basis of forest insurance and summarized the practical experience of some countries around the world on forest insurance. The results of systematizing the theoretical basis for forest insurance have shown the basic types of risks to forests, types and characteristics related to forest insurance, and how to calculate insurance premiums. Forest insurance has also received attention from many countries around the world and has brought many positive impacts to forest growers when risks occur. Practical experience in implementing planted forest insurance policies of countries around the world has also shown the role of the state in implementing forest insurance policies. Since then, the study has provided lessons learned and directions for developing and implementing forest insurance policies in Vietnam in the future. Accordingly, the State is considered an important subject in implementing forest insurance. Some suggestions for forest insurance policy in the near future are: developing a planted forest insurance policy and performing piloting planted forest insurance. The pilot focuses on the main type of risk (storms and floods), for a common plantation tree species (acacia) in production forests. The State supports insurance fees in the first phase of implementation. In addition, carry out propaganda to raise people's awareness about forest insurance.

Keywords: Forest insurance, policy, risk, production forests

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Rừng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ sinh thái, kinh tế, xã hội và thẩm mỹ cho các hệ thống tự nhiên và loài người. Rừng và những thay đổi của rừng có ý nghĩa quan trọng đối với chu trình carbon, đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái của khu vực và toàn cầu. Rừng cung cấp lâm sản cần thiết cho các quốc gia và toàn cầu, một phần dân số thế giới phụ thuộc vào lâm sản để tạo ra năng lượng, vật liệu xây dựng và giấy. Tuy nhiên, trong suốt chu kỳ sản xuất dài, rừng có thể bị tàn phá bởi các tác động tự nhiên khác nhau như thiên tai, hỏa hoạn, bão, bão tuyết, động đất, lũ lụt và hạn hán (Ma, 2015; Feng, 2019).

Nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới cho thấy bảo hiểm rừng là một trong những giải pháp hữu hiệu để khắc phục thiệt hại gây ra bởi các loại rủi ro, nhất là rủi ro do bão, lửa rừng. Điển hình như Trung Quốc, đến năm 2012 bảo hiểm rừng đã được thực hiện ở 17 tỉnh và các khu vực rừng được bảo hiểm có diện tích 0,859 tỷ ha. Với việc triển khai bảo hiểm rừng liên tục được mở rộng, tầm quan trọng và ý nghĩa của bảo hiểm rừng đã được công nhận (Ma *et al.*, 2019). Các chính sách hỗ trợ bảo hiểm rừng trồng của các nước trên thế giới đã đem lại tác động tích cực trong việc khắc phục thiệt hại, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định sinh kế người trồng rừng và phát triển rừng bền vững.

Theo Quyết định số 2357/QĐ-BNN-KL năm 2023 của Bộ NN&PTNT, hiện nay Việt Nam có hơn 3,93 triệu ha rừng sản xuất là rừng trồng, chiếm 49,87% tổng diện tích rừng sản xuất và chiếm khoảng 26,58% tổng diện tích rừng của cả nước; tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,02%, sản lượng khai thác gỗ rừng trồng tập trung hàng năm tăng từ 13 triệu m³ năm 2015 lên 21,5 triệu m³ năm 2022. Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản tăng từ 7,2 tỷ USD năm 2015 lên

16,928 tỷ USD năm 2023 (Cục Lâm nghiệp, 2023). Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng tăng đã tạo điều kiện chủ động trên 70% nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, từng bước giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, góp phần giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, đồng thời tạo ưu thế cạnh tranh cho các sản phẩm gỗ của Việt Nam (Tổng cục Lâm nghiệp, 2021). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, những rủi ro, thiệt hại đối với rừng trồng ngày càng cao. Theo báo cáo số 1763/BC-TCLN-PTR năm 2020, có gần 150.000 ha rừng bị thiệt hại do bão ở các tỉnh miền Trung, tương đương 3/4 diện tích rừng trồng hàng năm trên toàn quốc. Thiệt hại về rừng gây ảnh hưởng lớn đến chuỗi cung gỗ nguyên liệu, quá trình tái sản xuất và sinh kế của người dân trồng rừng sản xuất.

Ở Việt Nam, từ đầu những năm 2000, Chính phủ đã thực hiện các chính sách thí điểm bảo hiểm nông nghiệp. Gần đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp, trong đó đã quy định chính sách hỗ trợ bảo hiểm đối với cây trồng (lúa, cao su, hồ tiêu, điều, cà phê, cây ăn quả, rau); vật nuôi (trâu, bò, lợn, gia cầm); nuôi trồng thủy sản (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra). Tuy nhiên, hiện chưa có quy định cụ thể về chính sách bảo hiểm rừng trồng, chính sách hỗ trợ bảo hiểm rừng trồng sản xuất. Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ "*Nghiên cứu đề xuất bảo hiểm rừng trồng sản xuất và chính sách hỗ trợ tại một số tỉnh*" là một trong những nhiệm vụ nghiên cứu tiềm năng về vấn đề bảo hiểm đối với rừng trồng sản xuất được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt theo Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KHCN ngày 23/6/2021. Mục tiêu chung của đề tài nhằm xác định được nhu cầu và vấn đề liên quan đến bảo hiểm rừng trồng sản xuất tại một số tỉnh có rừng trồng gỗ

nguyên liệu tập trung, từ đó đề xuất khung chính sách và nội dung các bước cơ bản thí điểm bảo hiểm rừng trồng sản xuất.

Bài báo “*Cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo hiểm rừng - những định hướng về chính sách bảo hiểm rừng ở Việt Nam*” là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài nhằm làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế về bảo hiểm rừng, từ đó đưa ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc xây dựng và triển khai chính sách bảo hiểm rừng.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp

Thu thập các tài liệu, báo cáo, bài viết liên quan đến:

- Cơ sở lý luận về bảo hiểm rừng: Rủi ro và các loại rủi ro với rừng; các loại hình bảo hiểm rừng và các đặc trưng liên quan đến bảo hiểm rừng; cách tính phí bảo hiểm rừng.
- Tổng hợp kinh nghiệm thực tiễn của một số nước trên thế giới về bảo hiểm rừng: Loại rủi ro, loại hình bảo hiểm, tỷ lệ/điện tích rừng, đối tượng tham gia, phí và cách tính; vai trò của Nhà nước về chính sách bảo hiểm; những định hướng chính sách bảo hiểm rừng ở Việt Nam.

2.2. Phương pháp xử lý thông tin, số liệu

Nghiên cứu này áp dụng các bước phân tích theo Huberman và Mile (1994), bao gồm: Rút gọn số liệu (Data reduction); Trình bày số liệu (Data display); Rút ra kết luận (Conclusion

drawing). Các thông tin, tài liệu, số liệu được tổng hợp theo các nội dung nghiên cứu.

2.3. Phương pháp chuyên gia

Tham vấn chuyên gia chính sách, chuyên gia lâm nghiệp, chuyên gia liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp thông qua cuộc hội thảo để bổ sung, hoàn thiện kết quả nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cơ sở lý luận về Bảo hiểm rừng

3.1.1. Rủi ro với rừng

Thuật ngữ “rủi ro”, theo Manley và Watt (2009), dùng để chỉ các sự kiện bất lợi cụ thể hoặc “hiểm họa” có thể xảy ra. Khi xảy ra chúng sẽ đem đến tác động bất lợi đối với đầu tư trong lâm nghiệp và thường dẫn đến việc rừng bị thiệt hại ở các mức độ nhất định.

Trong lâm nghiệp, quản lý rừng là hoạt động kinh doanh chịu nhiều rủi ro, do thực tế cây rừng là loài cây sống lâu năm, chu kỳ sản xuất dài (Manley và Watt, 2009; Dai *et al.*, 2015). Xác suất xảy ra các yếu tố bất lợi trong chu kỳ sản xuất (từ cây con đến khi thu hoạch, tức là từ 40 đến 200 năm) có thể khá cao (Birost và Gollier, 2001; Manley và Watt, 2009).

Các rủi ro đối với rừng hay hoạt động quản lý rừng khá đa dạng, song nhìn chung thuộc các nhóm như rủi ro do thiên tai, do dịch bệnh, do con người, do thị trường hay các vấn đề kinh tế xã hội (bảng 1).

Bảng 1. Các loại rủi ro đối với rừng/quản lý rừng

TT	Rủi ro	Ví dụ
1	Thiên tai/thời tiết	Động đất, núi lửa, bão, gió mạnh, tuyết, mưa đá, lũ lụt, hạn hán, sương muối, cháy rừng, v.v.
2	Dịch bệnh	Sâu gây hại, nấm bệnh, các bệnh hại cây rừng.
3	Con người gây ra	Cháy rừng, tai nạn máy bay, chiến tranh, ô nhiễm môi trường
4	Thị trường	Thay đổi giá cả, thay đổi nhu cầu gỗ trong tương lai
5	Kinh tế, xã hội	Chính trị, pháp luật

Nguồn: Manley và Watt (2009), Dai et al. (2015), Zhang và Stenger (2014)

Những rủi ro kể trên gây thiệt hại lớn đến rừng và chủ thể quản lý rừng, trong đó rủi ro thuộc các biến cố thời tiết cực đoan, như bão cùng gió mạnh, tuyết, mưa đá và lũ lụt là những mối nguy hại đe dọa lớn đến sức sống và sinh trưởng của cây rừng. Thống kê trong lịch sử cho thấy, gió bão là rủi ro lớn nhất, thường gây nhiều thiệt hại nhất. Ví dụ, gió bão ở Tây Âu vào cuối năm 1999 làm 200 triệu khối gỗ bị thiệt hại/gãy đổ. Thiệt hại xảy ra trên diện tích rộng lớn tại các nước Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Đan Mạch và cả Úc, dẫn đến việc các chủ rừng bị thiệt hại nặng nề về tài chính, thậm chí một số bị phá sản (Manley và Watt, 2009). Trung Quốc cũng thường xuyên xảy ra thiên tai, ảnh hưởng đến rừng và gây thiệt hại lớn về kinh tế. Năm 2011, thiệt hại kinh tế trực tiếp do các thảm họa thiên nhiên khác nhau lên tới 310 tỷ NDT (khoảng 50 tỷ USD); đặc biệt, 26.950 ha đất lâm nghiệp bị ảnh hưởng bởi 5.500 vụ cháy rừng, 11,68 triệu ha đất lâm nghiệp bị thiệt hại bệnh dịch hại rừng và bệnh dịch chuột rừng (Yongwu Dai *et al.*, 2015). Tại Hoa Kỳ, bão Katrina gây thiệt hại 5 triệu mẫu Anh vào năm 2005, cháy rừng năm 2007 ở Nam Georgia đã phá hủy 550.000 mẫu Anh. Ở châu Âu, thiên tai làm thiệt hại trung bình 35 triệu m³ gỗ mỗi năm (1950 - 2000). Bão gây ra 53% thiệt hại này, hỏa hoạn là 16% và các yếu tố sinh học là 16% (Schelhaas *et al.*, 2003).

3.1.2. Loại hình và các đặc trưng liên quan bảo hiểm rừng

Cách thức mà chủ quản lý rừng cân nhắc lựa chọn khi giải quyết/đổi mặt với sự không chắc chắn hay bất ổn trong sản xuất kinh doanh được chia thành hai nhóm chính: loại chia sẻ rủi ro và loại không chia sẻ rủi ro (Manley và Watt, 2009).

Chia sẻ rủi ro chỉ vận hành khi các rủi ro là phổ biến và phân tán trong các cá nhân ở trong cộng đồng. Có hai loại chia sẻ rủi ro, gồm bảo hiểm độc lập (Independent insurers) và bảo hiểm tương hỗ/hỗ trợ nhau (Insurance mutuals).

- **Bảo hiểm độc lập** do các đơn vị/công ty bảo hiểm là đơn vị, công ty tài chính lớn thực hiện. Phần lớn họ giải quyết/đổi phó với nhiều loại rủi ro, gồm các bảo hiểm với hộ gia đình, bảo hiểm kinh doanh, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm đầu tư nông nghiệp và lâm nghiệp. Ví dụ ở New Zealand, FMG có cung cấp bảo hiểm rừng chuyên sâu, hay tương tự như Lloyds of London ở Anh và MunnichRe ở Đức.

- **Bảo hiểm tương hỗ** là loại chia sẻ rủi ro nhóm không cần tổ chức bảo hiểm độc lập mà có nhiều nhóm các cá nhân tự lập tổ chức chia sẻ rủi ro. Ví dụ ở New Zealand, Automobile Association là tổ chức bảo hiểm tương hỗ cung cấp bảo hiểm cho các thành viên thuộc tổ chức. Tại Úc, Chương trình bảo hiểm đồn điền trồng rừng của người trồng rừng Úc là một tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm cho các thành viên của mình (Cummine, 2000). Bảo hiểm tương hỗ giúp tiết kiệm chi phí hơn so với bảo hiểm độc lập. Tuy nhiên, bảo hiểm tương hỗ hạn chế trong việc giải quyết đa dạng các loại rủi ro và mang tính địa phương. Bảo hiểm này chỉ có thể giải quyết rủi ro cục bộ địa phương, không giải quyết trên phạm vi rộng.

Không chia sẻ rủi ro bao gồm các hoạt động chủ yếu thường được thực hiện khi đối mặt với những rủi ro, đó là những hoạt động dẫn đến giảm xác suất xuất hiện của những nguy hại đặt ra hay giảm thiệt hại do nguy hại gây ra. Đây cũng là những loại đầu tư thường gặp trong lâm nghiệp. Hình thức này cũng gồm 2 loại chính:

- **Tự bảo hiểm** là việc đầu tư vào các hoạt động làm giảm thiệt hại do rủi ro có thể gây ra. Ví dụ, trong hoạt động quản lý rừng, việc làm các băng cản lửa có thể làm giảm thiệt hại do cháy rừng. Chiến lược tự bảo hiểm là cách các nhà quản lý rừng khác nhau xem xét sự đánh đổi giữa chi phí và lợi ích để lựa chọn đầu tư cho các hoạt động có thể làm giảm thiệt hại do rủi ro đối với rừng.

- **Tự bảo vệ** là các hoạt động làm giảm xác suất xảy ra của các rủi ro, ví dụ khai thác rừng sớm, rút ngắn chu kỳ trồng rừng là một hình

thức tự bảo vệ, tuy nhiên lợi ích thu được sẽ bị hạn chế.

Dựa vào giá trị được bảo hiểm, Zhang và Stenger (2014) tổng hợp có 2 loại bảo hiểm chính:

- *Bảo hiểm đầy đủ* toàn bộ giá trị thị trường của gỗ trong tương lai. Trong trường hợp thiệt hại do thiên tai, chủ sở hữu sẽ thu hồi toàn bộ giá trị thị trường của gỗ sau khi đã trừ đi một số chi phí khác. Ví dụ, bảo hiểm rừng ở Mỹ, Thụy Điển và Nam Phi.

- *Bảo hiểm một phần* trong tổng giá trị thị trường của gỗ trong tương lai. Với Bảo hiểm này, số tiền bảo hiểm được chỉ định trước bởi công ty bảo hiểm hoặc chủ sở hữu được thanh toán. Ở Đan Mạch, bảo hiểm rủi ro được giới hạn ở mức khoảng 3.000 DKK (hoặc 550 đô la Mỹ)/ha. Tuy nhiên, chủ sở hữu có thể nhận được trợ cấp của chính phủ cho bồi thường gấp 5 lần giá trị bảo hiểm. Ở Trung Quốc, bảo hiểm rủi ro đối với thiệt hại do thiên tai được giới hạn bằng chi phí tái trồng rừng.

Các đặc trưng liên quan đến bảo hiểm rừng đã được nhiều tác giả, như Manley and Watt (2009), Zhang và Stenger (2014), phân tích và tổng hợp, cụ thể là:

- *Các rủi ro có thể bảo hiểm tồn tại đồng thời*: Rủi ro lâm nghiệp gồm nhiều rủi ro khác nhau và tồn tại đồng thời. Ví dụ, rủi ro do gió thổi thường không độc lập với rủi ro hỏa hoạn.

- *Khó tính toán xác suất*: Hầu hết các rủi ro chính với lâm nghiệp có sự không chắc chắn ở mức độ rất cao. Tuy nhiên, những rủi ro gây ra thiệt hại lớn cho một khu rừng là không thường xuyên. Do vậy, không có nhiều dữ liệu trong quá khứ để làm cơ sở cho các ước tính xác suất.

- *Chu kỳ kinh doanh rừng dài*: Với chu kỳ từ 20 đến 60 năm trở lên, lâm nghiệp phải đối mặt với nhiều bất trắc khó giải quyết. Thời gian dài, khả năng thanh toán của chính các công ty bảo hiểm cũng là một vấn đề, như rủi ro phá sản của công ty. Chu kỳ kinh doanh dài sẽ ảnh hưởng đến cả bên bảo hiểm và bên được bảo hiểm rừng.

- *Mối quan hệ giữa mức độ rủi ro và các hoạt động quản lý rừng*: Các phương pháp quản lý tốt có thể cản trở việc quản lý rủi ro. Ví dụ, cắt tía và tía thưa là hoạt động quản lý tốt, được thiết kế để tăng giá trị thu hoạch cuối cùng, nhưng chúng cũng có thể làm trầm trọng thêm nguy cơ hỏa hoạn, đổ gãy. Khi có quan hệ kiểu này, sẽ rất khó để tính ra chi phí chính xác của việc theo đuổi một phương án này hay một phương án khác.

- *Rừng là tài sản không thay thế*: Rừng là tài sản không thể thay thế cho đến khi cây đã đủ tuổi khai thác. Việc thay thế chỉ được thực hiện nếu cây bị hại là cây con hoặc cây mới trồng. Khi rừng bị thiệt hại, khó xác định được giá trị của rừng tại thời điểm xảy ra rủi ro, dẫn đến bất đồng về giá trị chính xác được yêu cầu bồi thường.

- *Nhiều rủi ro với rừng là thảm khốc* ảnh hưởng đến nhiều người theo cùng một cách. Điều này làm cho việc chia sẻ rủi ro giữa các bên hoặc bởi các nhà bảo lãnh khó khả thi. Cách duy nhất để bảo hiểm cho các sự kiện thảm họa là bảo hiểm phải được tổ chức ở quy mô lớn hơn, ví dụ xuyên biên giới hoặc ít nhất là trên các khu vực địa lý rộng mà không phải tất cả đều phải chịu rủi ro thảm khốc như nhau.

- *Ít công ty bảo hiểm cung cấp các sản phẩm bảo hiểm cho lâm nghiệp*. Số lượng công ty bảo hiểm ít dẫn đến phí bảo hiểm cao, chủ rừng riêng lẻ sẽ phải chịu phí bảo hiểm cao hơn so với một thị trường bảo hiểm cạnh tranh, dẫn đến có ít rừng tham gia bảo hiểm. Khi có tương đối ít rừng để bảo hiểm, quy luật về số lượng lớn sẽ không hoạt động được. Không có đủ người tiêu dùng bảo hiểm thì thị trường bảo hiểm sẽ không hoạt động tốt, sẽ không thể đa dạng hóa rủi ro.

- *Can thiệp của chính phủ sau thảm họa*: Một đặc điểm chung khi xảy ra rủi ro đối với rừng là các Chính phủ thường cung cấp viện trợ, cứu trợ cho các chủ rừng bị ảnh hưởng sau khi rủi ro xảy ra. Trong khi bồi thường bảo hiểm chỉ có sẵn nếu phí bảo hiểm đã được trả trước, do đó cứu trợ của Chính phủ sẽ có tác dụng làm

giảm khuyến khích bảo hiểm và tham gia vào các hoạt động quản lý rủi ro khác (tự bảo hiểm và tự bảo vệ).

- *Khó tính phí bảo hiểm*: Rừng không giống như bất động sản nhà ở, các lô gỗ có khả năng tăng về số lượng và thay đổi về giá trị. Thời gian kinh doanh dài, do đó việc định giá gỗ đứng phải xem xét tốc độ tăng trưởng của cây và điều kiện thị trường. Hơn nữa, các khu rừng khác nhau về độ tuổi, thành phần loài, có diện tích lớn dẫn đến việc rất khó định giá rừng và đánh giá rủi ro liên quan đến các thảm họa. Để tính được phí bảo hiểm, các công ty bảo hiểm cần phải có các mô hình bắt nguồn từ dữ liệu phân tích và đáng tin cậy cho phép họ ước tính xác suất xảy ra các rủi ro khác. Tuy nhiên, những điều này còn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ.

- *Phí bảo hiểm cao*: Cung cấp bảo hiểm cho gỗ đứng chi phí cao hơn so với nhiều tài sản khác, công ty bảo hiểm sẽ đặt phí bảo hiểm cao, điều này ít thu hút được các chủ rừng tham gia bảo hiểm. Lượng chủ thể tham gia bảo hiểm thấp có nghĩa là công ty bảo hiểm không thể giảm phí bảo hiểm do rủi ro bảo hiểm cao. Với số lượng người mua bảo hiểm lớn, công ty bảo hiểm có thể giảm rủi ro hoặc giảm phí bảo hiểm. Nghiên cứu của Holecý và Hanewinkel (2006) ở Đức cho thấy, phí bảo hiểm thiệt hại do bão có thể giảm 90% nếu diện tích được bảo hiểm tăng từ 1.400 ha lên 140.000 ha.

- *Cần có hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức phi chính phủ*: Phí bảo hiểm cao hạn chế chủ rừng tham gia bảo hiểm, số lượng người có hợp đồng bảo hiểm càng ít thì phí bảo hiểm càng cao. “Vòng luẩn quẩn” có thể tránh được bằng sự can thiệp (như hỗ trợ giảm phí bảo hiểm) của chính phủ hoặc của các tổ chức phi chính phủ/Hiệp hội chủ đất, giúp thu hẹp khoảng cách giữa các công ty bảo hiểm và chủ rừng.

3.1.3. Phí bảo hiểm rừng

Giống như các loại bảo hiểm khác, trong bảo hiểm rừng, phí bảo hiểm là yếu tố quan trọng,

được chủ rừng/người mua bảo hiểm và doanh nghiệp/đơn vị bảo hiểm đặc biệt quan tâm. Phí bảo hiểm rừng có ảnh hưởng đến tham gia bảo hiểm của chủ rừng do khả năng chi trả có hạn của họ (Feng và Dai, 2019; Qin *et al.*, 2016). Phí bảo hiểm rừng cao thì ít chủ rừng tham gia bảo hiểm (Zhang và Stenger, 2014). Phí bảo hiểm là nguồn thu nhập chính của doanh nghiệp bảo hiểm, giúp họ duy trì hoạt động kinh doanh bảo hiểm của chính họ. Khi ít người tham gia bảo hiểm, đơn vị bảo hiểm khó có thể giảm phí bảo hiểm do dẫn đến rủi ro lớn với bảo hiểm; càng ít người tham gia bảo hiểm thì phí bảo hiểm lại càng cao. Rủi ro bảo hiểm, theo luật số lớn, có thể được giảm thiểu khi có nhiều người tham gia bảo hiểm. Do vậy, việc xác định phí bảo hiểm phù hợp là vấn đề cốt yếu trong bảo hiểm rừng. Phí bảo hiểm phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, nhất là rủi ro trong bảo hiểm: Khả năng xảy ra rủi ro bảo hiểm càng cao thì phí đóng bảo hiểm càng cao.

Theo Holecý và Hanewinkel (2006), giá trị của tổng phí bảo hiểm $G_m(t)$ trong 1 ha/năm, được xác định như sau:

$$G_m(t) = N(t) + R_m(t)$$

- $N(t)$: là phí rông hàng năm cần thiết để bảo hiểm cho một lâm phần ở năm tuổi (t);

- $R_m(t)$: là phí bảo hiểm rủi ro cần thiết để bảo hiểm cho khu rừng này, được tính tương ứng với quy mô của tổng diện tích được bảo hiểm là (m) ha.

Tương tự, theo Đinh Thị Ngọc Mai (2010), phí bảo hiểm cây trồng lâu năm bao gồm: phí bồi thường tổn thất (phí thuần) và phần phụ phí. Công thức tính:

$$P = f + d$$

Trong đó: P - là phí bảo hiểm cây trồng

f - Phí thuần

d - Phụ phí được quy định bằng một tỷ lệ nhất định so với tổng mức phí P ; gồm 03 bộ phận: *phí đề phòng và hạn chế tổn thất, phí dự trữ dự phòng và phí quản lý.*

Để tính được phí bảo hiểm, điều quan trọng nhất là phải tính được phí rông hay phí thuần cùng phụ phí liên quan. Như nêu ở trên, việc tính phí bảo hiểm rừng là vấn đề khó khăn, do liên quan đến nhiều yếu tố khác nhau, như chu kỳ kinh doanh rừng dài, khả năng gặp rủi ro lớn, tăng trưởng của rừng và thay đổi của thị trường theo thời gian, thành phần loài đa dạng, phân bố không gian rộng, khó định giá rừng và đánh giá rủi ro liên quan đến các thảm họa. Bên cạnh đó, thiếu dữ liệu cùng mô hình tin cậy cho phép ước tính xác suất xảy ra các rủi ro khác nhau và phí bảo hiểm cũng là những khó khăn với đơn vị bảo hiểm. Đến nay đã có một số bài viết được công bố của một số tác giả về các mô hình tính phí bảo hiểm, như Shepard (1935), Holecyc và Hanewinkel (2006), Brunette và đồng tác giả (2015), Sacchelli và đồng tác giả (2018), v.v., cho một số rủi ro (bão, cháy rừng) đối với một số loài cây rừng (Thông, các loài cây lá kim, Linh sam bạc). Ví dụ như mô hình tính phí bảo hiểm đối với rừng lấy gỗ của Sacchelli và đồng tác giả (2018) tại các vùng khác nhau ở Italia gồm 3 mô dul (3 thành phần) tính toán:

- 1) Tính thiệt hại tài chính tiềm ẩn.
- 2) Xác suất xảy ra hiểm họa/rủi ro.
- 3) Tính phí bảo hiểm (chi tiết xem Sacchelli và đồng tác giả (2018) trang 108 - 109).

Trong bảo hiểm, ngoài phí bảo hiểm, bên tham gia bảo hiểm còn quan tâm đến giá trị hay số tiền bảo hiểm và tỷ lệ phí bảo hiểm. Số tiền bảo hiểm là khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm sẽ chi trả cho bên được bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra. Đây là số tiền cố định, được doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận và ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

Tỷ lệ phí bảo hiểm là tỷ lệ giữa phí bảo hiểm mà người mua phải đóng và số tiền bảo hiểm mà doanh nghiệp chi trả khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra. Mỗi nhóm đối tượng khác nhau sẽ được doanh nghiệp tính toán tỷ lệ phí bảo hiểm khác nhau. Tỷ lệ này mang tính độc lập giữa các loại bảo hiểm khác nhau, xác định theo công thức sau:

$Tỷ\ lệ\ phí\ bảo\ hiểm = Phí\ bảo\ hiểm : Số\ tiền\ bảo\ hiểm$ (Mệnh giá bảo hiểm)

Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm có tính ràng buộc lẫn nhau. Phí bảo hiểm tăng thì số tiền bảo hiểm cũng tăng lên và ngược lại. Xét về khả năng tài chính và tâm lý của người trồng rừng thì áp dụng chế độ bảo hiểm nào đơn giản, dễ hiểu và có mức phí thấp nhất, họ dễ dàng tham gia bảo hiểm nhất (Phan Anh Tuấn, 2013). Tổng hợp các nghiên cứu ở nhiều khu vực trên thế giới, từ châu Á đến châu Phi, châu Mỹ và châu Âu, của Zhang và Stenger (2014) cho thấy quan tâm đến bảo hiểm rừng tăng khi tỷ lệ phí bảo hiểm thấp hơn 0,3% giá trị cây đứng của rừng (Sacchelli *et al.*, 2018).

3.2. Bảo hiểm rừng ở một số nước trên thế giới

3.2.1. Tình hình thực hiện

Lược sử phát triển: Trên thế giới, bảo hiểm rừng đã có lịch sử lâu dài. Một trong những bảo hiểm cháy rừng đầu tiên được phát triển ở Na Uy vào năm 1898 (Sacchelli *et al.*, 2018). Ở Mỹ, vào đầu những năm 1930, Quốc hội đã chỉ đạo Bộ trưởng Nông nghiệp tìm hiểu và thúc đẩy các phương pháp hiệu quả để bảo hiểm gỗ cây đứng trên các khu rừng khỏi bị thiệt hại do hỏa hoạn và các nguyên nhân khác. Trong những năm gần đây, sự quan tâm về bảo hiểm rừng cũng ngày càng tăng ở một số nước. Ở Trung Quốc đã áp dụng bảo hiểm rừng sau trận bão mùa đông năm 2008 phá hủy khoảng 10% diện tích rừng của nước này. Gần đây, các đề xuất về luật pháp và chương trình bảo hiểm rừng được đưa ra ở Pháp sau những thiệt hại nặng nề, đặc biệt là rừng trồng ở vùng Aquitaine do hai cơn bão mùa đông năm 1999 và 2009 gây ra (Zhang và Stenger, 2014).

Diện tích rừng bảo hiểm: Theo tổng hợp của Zhang và Stenger (2014) cho thấy đã có những diện tích rừng tư nhân nhất định được bảo hiểm tại một số nước ở các châu lục trên thế giới (bảng 2).

Bảng 2. Bảo hiểm rừng ở một số nước tại các vùng trên thế giới

Quốc gia	Diện tích rừng BH (1000 ha)	Tỷ lệ rừng BH (%)	Loại hình BH	Rủi ro BH	Phí BH	Hỗ trợ của Nhà nước
Châu Á						
Trung Quốc	1.000.000	50	BH cho trồng rừng	Cháy, bão	1%	90% phí BH
Nhật	1.000	<10	BH toàn bộ	Thời tiết, cháy	1 - 2%	BH Nhà nước
Châu Phi						
Nam Phi	172	13	BH toàn bộ	Tuyết, cháy	1 - 3,5%	Không
Châu Mỹ						
Chi Lê	1.500	60 (rừng trồng)	BH toàn bộ	Cháy	1 - 2%	Không
Mỹ	<4.000	< 3	Toàn bộ		0,5 - 1%	Không
Châu Âu						
Đan Mạch	179	50	Rủi ro	Bão, cháy	0,2-1%	Hỗ trợ
Phần Lan	6.000	40	Rủi ro	Bão, cháy		Không
Pháp	700 - 900	6		Bão, cháy		
Na Uy	6.600	35	Toàn bộ	Bão, cháy, sâu hại		
Thụy Điển	11.000	90	Toàn bộ	Bão, cháy		
Châu Đại Dương						
New Zealand	580	55	Toàn bộ	Bão, cháy	0,34	

Nguồn: Zhang và Stenger (2014); BH - Bảo hiểm

Bảng trên cho thấy diện tích và tỷ lệ rừng tư nhân được bảo hiểm ở các nước là khác nhau, có nước tỷ lệ diện tích rừng được bảo hiểm vẫn còn hạn chế. Ngoại trừ Thụy Điển có tỷ lệ diện tích rừng được bảo hiểm lớn (90% diện tích rừng), các nước khác, như Trung Quốc, Chi Lê, Đan Mạch, Phần Lan, có một tỷ lệ tương đối (40 - 50%) diện tích rừng tư nhân được bảo hiểm. Một số nước như Mỹ, Pháp, Nhật, tỷ lệ rừng được bảo hiểm còn thấp, tương ứng là 3%, 6% và 10%.

Loại hình bảo hiểm: Nhìn chung, trên thế giới cả hai loại hình bảo hiểm, gồm bảo hiểm toàn bộ và bảo hiểm một phần đã được áp dụng. Các nước như Thụy Điển, Na Uy, Chi Lê và Nhật thực hiện bảo hiểm toàn bộ (giá trị thiệt hại) với rừng trồng tư nhân. Các nước khác như Trung Quốc, Đan Mạch, Phần Lan chỉ thực hiện bảo hiểm một phần. Ở Đan Mạch, bảo

hiểm rủi ro được giới hạn ở mức khoảng 3.000 DKK (hoặc 550 đô la Mỹ)/ha nhưng chủ sở hữu có thể nhận được trợ cấp của chính phủ cho bồi thường gấp 5 lần giá trị bảo hiểm. Ở Trung Quốc, bảo hiểm rủi ro đối với thiệt hại do thiên tai được giới hạn bằng chi phí tái trồng rừng (Zhang và Stenger, 2014).

Rủi ro bảo hiểm - Hỏa hoạn là loại thiên tai phổ biến nhất và tất cả các bảo hiểm rừng sẵn có đều chi trả cho thiệt hại do hỏa hoạn. Ví dụ, bảo hiểm hỏa hoạn ở Na Uy bắt đầu từ năm 1898. Ở Đức và Bồ Đào Nha, bảo hiểm chỉ bồi thường thiệt hại do hỏa hoạn. Ở các quốc gia khác như ở Trung Quốc, phạm vi bảo hiểm rừng đã được mở rộng gồm hầu hết các hiểm họa tự nhiên, chẳng hạn như cháy rừng, mưa bão, bão, mưa đá, sương giá, bão tuyết, lũ lụt, sạt lở đất, dòng chảy đá bùn, hạn hán và sâu bệnh hại rừng (Xem hộp 01).

Hộp 01: Bảo hiểm rừng ở Trung Quốc

Ở Trung Quốc, bảo hiểm rừng đã được triển khai từ năm 2006. Năm 2006, chính quyền tỉnh Phúc Kiến đã giới thiệu chương trình bảo hiểm cháy rừng tại ba thành phố thí điểm là Sanming, Nanping và Longyan. Sau khi thực hiện thử nghiệm chương trình bảo hiểm cháy rừng trong một vài năm, chính quyền tỉnh Phúc Kiến đã khởi động chương trình Bảo hiểm thảm họa rừng Phúc Kiến (FFDI) vào năm 2011 nhằm tuyên truyền nhận thức về rủi ro thiên nhiên rừng ở tất cả các tỉnh. Chương trình FFDI bao gồm hầu hết các hiểm họa tự nhiên, chẳng hạn như cháy rừng, sâu bệnh hại rừng, mưa bão, bão, mưa đá, sương giá, bão tuyết, lũ lụt, sạt lở đất, dòng chảy đá bùn, bão và hạn hán. Chương trình này cung cấp một cơ chế phân tán rủi ro để giúp người sản xuất rừng đối phó với môi trường sản xuất rủi ro (Dai *et al.*, 2015).

Phí bảo hiểm và Đơn vị bảo hiểm - Tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng ở các nước khá đa dạng, thay đổi từ 0,2% (chỉ hỏa hoạn) đến 3% (tất cả thiệt hại do thiên tai) ở Thụy Điển; 1,5 - 2,6% (chỉ lửa rừng) ở Nam Phi; 1% cho tất cả các thiệt hại lên đến toàn bộ chi phí tái trồng rừng ở Trung Quốc (Zhang và Stenger, 2014).

Ở một số quốc gia, chẳng hạn như New Zealand, bảo hiểm rừng chỉ bao gồm rừng trồng. Điều này có nghĩa là các công ty bảo hiểm chỉ phải ước tính xác suất và ảnh hưởng của thiên tai đối với một số loài cây nhất định. Số tiền bảo hiểm cho mỗi ha trên một đơn vị bảo hiểm được tính thay đổi theo tuổi cây. Giá trị carbon rừng hiện cũng đang được xem xét tính và giá trị rừng trong hợp đồng bảo hiểm. Bảo hiểm lâm nghiệp phần lớn do các công ty bảo hiểm độc lập cung cấp, được bảo lãnh bởi các công ty bảo hiểm quốc tế lớn bảo hiểm cho các khoản đầu tư vào lâm nghiệp ở nhiều quốc gia (Manley và Watt, 2009).

Vai trò của bảo hiểm rừng được tổng hợp trong nghiên cứu cho thấy một số vai trò quan trọng của bảo hiểm rừng đối với chủ rừng cũng như việc quản lý phục hồi rừng.

- Chương trình bảo hiểm rừng có ảnh hưởng tích cực, trực tiếp và gián tiếp, đến thu nhập của hộ gia đình trồng rừng. Theo Dai và đồng tác giả (2015), tất cả các bảo hiểm rủi ro rừng không lập tức loại bỏ ngay tác động của rủi ro,

mà chỉ cung cấp tiền bồi thường cho những tổn thất trên cơ sở phí bảo hiểm phải chi trả. Qua việc đảm bảo cho người trồng rừng quyền tiếp cận khả năng thanh toán tiền mặt, chương trình bảo hiểm giúp giảm gánh nặng do rủi ro mang lại, đảm bảo sinh kế cho người được bảo hiểm và tạo điều kiện cho quá trình phục hồi. Nghiên cứu ảnh hưởng của chương trình bảo hiểm rừng thực hiện tại tỉnh Fujian (Phúc Kiến) của Trung Quốc, các tác giả đã tiến hành điều tra phỏng vấn 950 hộ gia đình tại địa bàn nghiên cứu. Kết quả cho thấy chương trình bảo hiểm có tác dụng rõ ràng trong việc tăng thu nhập của hộ gia đình.

- Bảo hiểm rừng có vai trò quan trọng đối với việc phục hồi rừng. Ví dụ, trong Kế hoạch lâm nghiệp chiến lược của Tây Ban Nha (1999), tầm quan trọng của bảo hiểm rừng được đánh giá cao, là một cơ chế chính để khắc phục tổn thất do cháy rừng, với trọng tâm tập trung vào phục hồi rừng. Theo Barreal và đồng tác giả (2014), bảo hiểm rừng có thể có ảnh hưởng tích cực đến chủ rừng và xã hội vì rừng, đất rừng được trở lại sản xuất nhanh hơn và cung cấp các dịch vụ môi trường và hệ sinh thái cho cộng đồng. Nếu bảo hiểm rừng không bao gồm phục hồi rừng sau cháy rừng thì sẽ không có đảm bảo là rừng bị cháy sẽ được trồng lại (do chi phí phục hồi rừng cao). Nhìn chung, bảo hiểm rừng có thể giúp cho chiến lược quản lý rừng bền vững.

- Ngoài ra, bảo hiểm có thể giúp thay đổi các hoạt động sản xuất rừng của những người tham gia bảo hiểm. Người tham gia bảo hiểm có thể tiến hành các hoạt động lâm nghiệp rủi ro và lợi ích cao hơn (như sử dụng giống chất lượng tốt hơn, trồng rừng chu kỳ dài hơn, áp dụng công nghệ tiên tiến hơn, v.v.). Bên cạnh đó, bảo hiểm rừng có thể cung cấp điều kiện cần thiết để vay vốn đầu tư vào rừng (Dai *et al.*, 2015).

3.2.2. Vai trò của Nhà nước trong bảo hiểm rừng

Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong hỗ trợ thực hiện bảo hiểm rừng, qua việc ban hành và thực hiện chính sách, chương trình cung cấp hỗ trợ cho chủ rừng và đơn vị bảo hiểm. Như đã trình bày ở trên, phí bảo hiểm rừng cao trong khi nhu cầu người mua bảo hiểm hạn chế và ít đơn vị cung cấp bảo hiểm rừng là những vấn đề trong thực hiện và phát triển bảo hiểm rừng. Theo Ma và đồng tác giả (2015), bảo hiểm rừng không chỉ có thành phần tham gia là các chủ rừng được bảo hiểm (bên mua bảo hiểm) và đơn vị bảo hiểm (bên bán bảo hiểm), mà còn có sự tham gia của Nhà nước. Hỗ trợ của Nhà nước sẽ là một yếu tố quan trọng tích cực để thực hiện bảo hiểm rừng. Tổn thất của công ty bảo hiểm do phí bảo hiểm thấp mang lại có thể được bù đắp bằng trợ cấp từ chính phủ. Trợ cấp của Nhà nước cao, công ty bảo hiểm càng có khả năng triển khai bảo hiểm rừng với mức phí bảo hiểm thấp. Trong trường hợp này, người trồng rừng sẽ có nhiều khả năng mua bảo hiểm rừng hơn, khi đó phạm vi thực hiện bảo hiểm rừng sẽ mở rộng.

Nghiên cứu của nhiều tác giả, như Qin và đồng tác giả (2016), Feng và Dai (2019), Zhang và Stenger (2014), Brunette và Couture (2008), cung cấp nhiều minh chứng thực tế về vai trò của Nhà nước trong (hỗ trợ/thúc đẩy) thực hiện bảo hiểm rừng ở một số nước trên thế giới.

- Ở Trung Quốc, khuyến khích bảo hiểm rừng bởi chính phủ trong những năm gần đây được xem là minh chứng điển hình (Zhang và

Stenger, 2014). Thí điểm bảo hiểm rừng bắt đầu thực hiện từ những năm 1980. Năm 2009, để thúc đẩy sự phát triển bảo hiểm rừng sâu rộng hơn, Trung Quốc đã triển khai chương trình thí điểm về “*Chính sách trợ cấp phí bảo hiểm rừng*” của Chính phủ Trung ương (CFIP). Các tỉnh Phúc Kiến, Giang Tây và Hồ Nam là những tỉnh đầu tiên thử nghiệm chính sách mới vào năm 2009, tỉnh Chiết Giang, Liêu Ninh và Vân Nam được bổ sung vào năm 2010. Đến cuối năm 2012, việc thí điểm trợ cấp phí bảo hiểm rừng mở rộng ra 17 tỉnh (khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương). CFIP là chương trình bảo hiểm do chính phủ tài trợ. Chính phủ nhiều cấp (Trung ương, tỉnh và quận) cung cấp các khoản trợ cấp cao cấp cho người được bảo hiểm, trong khi các sở lâm nghiệp cung cấp nền tảng kỹ thuật và dịch vụ cho người được bảo hiểm. CFIP có hai loại sản phẩm điển hình là: Bảo hiểm toàn diện và Bảo hiểm hỏa hoạn. Bảo hiểm toàn diện về rừng bảo hiểm cho những tổn thất tài chính của cá nhân được bảo hiểm và chi phí cho trồng lại rừng do các hiểm họa tự nhiên gây ra, bao gồm cháy rừng, sâu bệnh hại rừng, mưa bão, bão, mưa đá, sương giá, bão tuyết, lũ lụt, lở đất, bùn và đá chảy và hạn hán. Năm 2012, tỷ lệ phí bảo hiểm của chương trình CFIP là 0,2 - 0,5% số tiền được bảo hiểm, trong đó tổng trợ cấp từ cả chính quyền trung ương và cấp tỉnh chiếm 60% phí bảo hiểm, trong khi trợ cấp từ chính quyền quận thay đổi từ 1% đến 15% tùy thuộc vào diện tích đất rừng được bảo hiểm; phần còn lại của phí bảo hiểm do người bảo hiểm CFIP trả (Dai *et al.*, 2015; Qin *et al.*, 2016). Mặc dù còn có vấn đề trong quá trình thực hiện, như thiếu thông tin về chương trình, cách tính phí bảo hiểm, giá trị đền bù, nhu cầu và tỷ lệ chủ rừng tham gia bảo hiểm (Dai *et al.*, 2015; Feng và Dai, 2019), chương trình đã đạt được kết quả khả quan về diện tích và tỷ lệ rừng được bảo hiểm ở Trung Quốc. Như trình bày ở bảng 02, diện tích rừng tư nhân được bảo hiểm đạt gần 1 tỷ ha (hay gần 50%) diện tích rừng tư nhân của cả nước (Zhang và Stenger,

2014). Tại các tỉnh tham gia chương trình, tỷ lệ rừng bảo vệ/phòng hộ được bảo hiểm đạt 64,1%; tỷ lệ rừng thương mại được bảo hiểm đạt 49,3% (Feng và Dai, 2019).

- *Tại Nhật Bản*, Cơ quan Bảo hiểm Lâm nghiệp là một phần của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Ngư nghiệp và điều hành một tài khoản đặc biệt của chính phủ (Zhang và Stenger, 2014).

- *Ở Pháp*, luật của chính phủ và đấu thầu tư nhân tổ chức bởi Hiệp hội Chủ sở hữu Rừng Pháp đều có ảnh hưởng đến bảo hiểm rừng. Theo điều luật Loi de Modernization Agricole (Loi No. 2010 - 874, 2010), *Chính phủ Pháp chỉ cung cấp hỗ trợ cho các chủ đất rừng được bảo hiểm trong trường hợp có bão trước năm 2017*. Việc chấm dứt hỗ trợ của chính phủ sau năm 2017 đã tạo động lực cho Hiệp hội Chủ rừng Pháp đàm phán với một công ty bảo hiểm tư nhân để cung cấp bảo hiểm gỗ với mức chiết khấu 40% so với giá thị trường (Pomélie, 2013). Giá trị bảo hiểm được giới hạn ở mức 75% của 3.000 € (hoặc 75% của 4.100 đô la Mỹ/ha đối với hỏa hoạn), hoặc 75% của 5.000 - 6.000 € (75% của 6.900 - 9.600 đô la Mỹ/ha đối với thiệt hại do bão) với phí bảo hiểm từ 0,32 - 0,65%, để đủ điều kiện thiệt hại phải vượt quá 20% tổn thất của gỗ được bảo hiểm.

Brunette và Couture (2008) cho rằng chính phủ không nên cung cấp bồi thường trực tiếp cho rừng bị thiệt hại vì điều này sẽ làm giảm động lực quản lý rủi ro. Sẽ tốt hơn nếu các chính phủ cung cấp viện trợ cho các chủ đất bảo vệ tài sản của họ thông qua bảo hiểm.

Việc chính phủ đưa ra quy định bắt buộc các chủ sở hữu rừng tư nhân phải mua bảo hiểm để giảm rủi ro đối với đơn vị bảo hiểm và giảm phí bảo hiểm vẫn là vấn đề còn bàn luận và gây tranh cãi. Cho đến nay, chưa có nước nào áp dụng cách tiếp cận này (Zhang và Stenger, 2014).

Có thể nói, Nhà nước, chính quyền địa phương và các tổ chức của người trồng rừng có vai trò quan trọng trong việc thực thi chính

sách bảo hiểm rừng trồng. Nhà nước thực hiện vai trò của mình thông qua việc hỗ trợ phí bảo hiểm cho người dân trực tiếp hoặc gián tiếp. Điều này sẽ góp phần giảm chi phí bảo hiểm, làm tăng nhu cầu tham gia của người dân, thúc đẩy các công ty bảo hiểm thực hiện các sản phẩm bảo hiểm rừng. Các chính quyền địa phương tuyên truyền, thúc đẩy thực hiện bảo hiểm rừng. Các Hiệp hội của người trồng rừng góp phần tuyên truyền và hỗ trợ kết nối với bên bảo hiểm, đồng thời bảo vệ lợi ích cho người trồng rừng.

3.3. Những định hướng chính sách bảo hiểm rừng ở Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu việc thực hiện bảo hiểm rừng ở một số nước trên thế giới, có một số bài học kinh nghiệm được rút ra cho Việt Nam, cụ thể như sau:

- *Một là*, để phát triển bảo hiểm rừng thì cần có những tác động, thúc đẩy thích hợp, cả đối với bên được bảo hiểm (chủ rừng) và bên bảo hiểm (các đơn vị bảo hiểm).

- *Hai là*, Nhà nước cần được xem là một chủ thể tham gia thực hiện bảo hiểm rừng, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy thực hiện bảo hiểm rừng thông qua tạo cơ sở/môi trường pháp lý cùng với việc ban hành và thực hiện các chính sách, chương trình thúc đẩy bảo hiểm rừng.

- *Ba là*, thay vì cung cấp hỗ trợ khắc phục thiệt hại về rừng do rủi ro, Nhà nước có thể có chính sách hỗ trợ chủ rừng mua bảo hiểm rừng thích hợp (ví dụ, hỗ trợ một tỷ lệ nhất định phí bảo hiểm rừng), coi bảo hiểm rừng như là một điều kiện để tiếp cận các hỗ trợ khác của Nhà nước, như vay vốn ưu đãi trồng rừng, hỗ trợ vật tư cây giống, v.v.

- *Bốn là*, phát triển bảo hiểm rừng là một quá trình đòi hỏi thời gian dài, do vậy cần có sự hỗ trợ chiến lược mang tính lâu dài và ổn định của Nhà nước. Có như vậy mới có thể đem lại kết quả mong đợi.

Từ đó, nghiên cứu đưa ra một số định hướng xây dựng và thực hiện chính sách bảo hiểm rừng ở Việt Nam trong thời gian tới là:

- *Thứ nhất*, thực hiện nghiên cứu đánh giá nhu cầu bảo hiểm rừng trồng trong nước để xây dựng chính sách bảo hiểm rừng tại Việt Nam để mang lại tính khả thi, sát với thực tế.

- *Thứ hai*, cần thiết tuyên truyền nâng cao nhận thức của chủ rừng về Bảo hiểm rừng. Bởi vì, bảo hiểm rừng không những là một cách thức/phương pháp quản lý rủi ro hữu hiệu, mà còn được xem là công cụ thúc đẩy đầu tư vào rừng trồng, đảm bảo quản lý rừng bền vững và đem lại thu nhập, lợi nhuận cho chủ rừng.

- *Thứ ba*, trong giai đoạn đầu thực hiện chính sách, có thể thực hiện thí điểm ở một số tỉnh trọng điểm có mức độ rủi ro cao do các yếu tố thời tiết như một số tỉnh miền Nam Trung Bộ. Việc thí điểm bắt đầu với một loại rủi ro phổ biến cụ thể (bão lũ), cho loài cây trồng rừng phổ biến (keo), cho loại rừng trồng sản xuất, ưu tiên rừng trồng gỗ lớn, ưu tiên những hộ gia đình có diện tích rừng lớn. Lý do lựa chọn rừng trồng vì rừng trồng dễ bảo hiểm hơn so với rừng tự nhiên do dễ xác vị trí và thành phần loài, giúp giảm chi phí giao dịch của đơn vị bảo hiểm, qua đó giảm phí bảo hiểm. Rừng trồng sản xuất, đặc biệt là rừng trồng gỗ lớn với chu kỳ dài sẽ tạo ra giá trị kinh tế khá cao cho các hộ gia đình song cũng tiềm ẩn mức độ rủi ro khá cao. Những hộ có diện tích rừng càng lớn cũng đồng nghĩa với việc rủi ro càng nhiều. Do đó, những đối tượng này cần có sự quan tâm của chính sách bảo hiểm nhiều hơn.

- *Thứ tư*, trong giai đoạn đầu triển khai, các công ty bảo hiểm rất khó để giảm phí. Vì vậy, Nhà nước sẽ hỗ trợ kinh phí bảo hiểm nhằm thu hút người dân tham gia bảo hiểm rừng trồng. Khi phí bảo hiểm giảm hoặc trợ cấp bảo hiểm tăng lên, nông dân trồng rừng sẽ trả ít tiền hơn cho bảo hiểm rừng, điều này sẽ làm tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm rừng. Nếu chính phủ hỗ trợ 100% phí bảo hiểm rừng thì tất cả nông dân trồng rừng sẽ tham gia chương trình bảo hiểm rừng và tỷ lệ bao phủ bảo hiểm sẽ là 100%.

- *Thứ năm*, trong giai đoạn tiếp theo, với diện tích rừng được bảo hiểm ngày càng mở rộng, phí bảo hiểm sẽ ở mức hợp lý. Khi đó, nông dân trồng rừng sẽ sẵn sàng tham gia chương trình bảo hiểm rừng hơn, việc thực hiện bảo hiểm rừng không còn yêu cầu chính phủ trợ cấp phí bảo hiểm rừng. Các chính sách bảo hiểm sẽ áp dụng cho tất cả các loại rủi ro đối với rừng.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả hệ thống hóa cơ sở lý luận về bảo hiểm rừng đã đưa ra được các loại rủi ro cơ bản đối với rừng, các loại hình và các đặc trưng liên quan đến bảo hiểm rừng, cách tính phí bảo hiểm.

Bảo hiểm rừng đã nhận được quan tâm của nhiều nước trên thế giới và đã mang lại nhiều tác động tích cực cho người trồng rừng khi rủi ro xảy ra. Kinh nghiệm thực tiễn triển khai chính sách bảo hiểm rừng trồng của các nước trên thế giới đã cho thấy được vai trò của Nhà nước trong triển khai chính sách bảo hiểm rừng. Tuy nhiên, với đặc thù của sản xuất lâm nghiệp, bảo hiểm lâm nghiệp triển khai ở một số nước trên thế giới chưa mang lại được nhiều thành công, số lượng người tham gia còn hạn chế.

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo hiểm rừng, nghiên cứu đã đưa ra những bài học kinh nghiệm và định hướng cho xây dựng và triển khai chính sách bảo hiểm rừng ở Việt Nam trong thời gian tới. Theo đó, Nhà nước được xem như một chủ thể quan trọng trong thực hiện bảo hiểm rừng thông qua tạo cơ sở/môi trường pháp lý cùng với việc ban hành và thực hiện các chính sách, chương trình thúc đẩy bảo hiểm rừng. Một số định hướng chính sách bảo hiểm rừng trong thời gian tới là: xây dựng chính sách bảo hiểm rừng trồng, thực hiện thí điểm bảo hiểm rừng trồng. Việc thí điểm bắt đầu với một loại rủi ro phổ biến cụ thể (bão lũ), cho loài cây trồng rừng phổ biến (keo), cho loại rừng trồng sản xuất, ưu tiên

rừng trồng gỗ lớn, ưu tiên những hộ gia đình có diện tích rừng lớn. Nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm trong giai đoạn đầu triển khai. Trong giai đoạn tiếp theo, có thể mở rộng ra các loại rủi ro khác. Bên cạnh đó, cần thiết tuyên truyền nâng

cao nhận thức của chủ rừng về bảo hiểm rừng, khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm, coi bảo hiểm là công cụ thúc đẩy đầu tư vào rừng trồng, đảm bảo quản lý rừng bền vững và đem lại thu nhập cho chủ rừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2023. Quyết định 2357/QĐ-BNN-KL về công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2022.
2. Barreal J, Loureiro M L, Picos J. 2014. On insurance as a tool for securing forest restoration after wildfires. *Forest Policy and Economics*, 42: 15 - 23.
3. Brunette M, Couture S. 2008. Public compensation for windstorm damage reduces incentives for risk management investments. *Forest Policy and Economics*, 10 (7 - 8): 491 - 499.
4. Chính phủ, 2018. Nghị định số 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp.
5. Cục Lâm nghiệp, 2023. Báo cáo Thực trạng và một số định hướng phát triển ngành lâm nghiệp Việt Nam.
6. Dai Y, Chang HH, Liu W, 2015. Do Forest producers benefit from the forest disaster insurance program? Empirical evidence in Fujian Province of China. *Forest Policy and Economics*, 50: 127 - 133.
7. Đinh Thị Ngọc Mai, 2010. Bảo hiểm nông nghiệp tại Mỹ và một số kiến nghị đối với chính sách phát triển bảo hiểm nông nghiệp của Việt Nam. Khóa luận tốt nghiệp.
8. Feng X, Dai Y, 2019. An innovative type of forest insurance in China based on the robust approach. *Forest Policy and Economics* 104, 23 - 32.
9. Holec J, Hanewinkel M. 2006. A forest management risk insurance model and its application to coniferous stands in southwest Germany. *Forest Policy and Economics* 8 161 - 174.
10. Huberman, A. M., & Miles, M. B., 1994. Data management and analysis methods. In N. K. Denzin & Y. S. Lincoln (Eds.), *Handbook of qualitative research* (pp. 428 - 444). Sage Publications, Inc.
11. Ma N, Zuo Y, Liu K, Qi Y, 2015. Forest insurance market participants' game behavior in China: An analysis based on tripartite dynamic game model, *Journal of Industrial Engineering and Management (JIEM)*, ISSN 2013 - 0953, *OmniaScience*, Barcelona, Vol. 8, Iss. 5, pp. 1533 - 1546, <https://doi.org/10.3926/jiem.1550>.
12. Ma N, Li C and Zuo Y, 2019. Research on forest insurance policy simulation in China. *Forestry Economics Review* Vol. 1 No. 1, 2019 pp. 82-95 Emerald Publishing Limited 2631 - 3030 DOI 10.1108/FER-03 - 2019 - 0004.
13. Manley B, Watt R, 2009. *Forestry Insurance, Risk Pooling and Risk Minimisation Options*. Final Report. ResearchGate.
14. Phan Anh Tuấn, 2013. Bảo hiểm nông nghiệp.
15. Qin T, Gu X, Tian Z, Pan H, Deng J, Wan L. 2016. An empirical analysis of the factors influencing farmer demand for forest insurance: Based on surveys from Lin'an County in Zhejiang Province of China. *Journal of Forest Economics*, 24: 37 - 51.
16. Sacchelli S, Cipollaro M, Fabbrizzi S, 2018. A GIS-based model for multiscale forest insurance analysis: The Italian case study. *Forest Policy and Economics*, 92: 106 - 118.
17. Tổng cục Lâm nghiệp, 2020. Báo cáo số 1763/BC-TCLN-PTR ngày 25/11/2020 về Thúc đẩy sản xuất, khắc phục hậu quả thiên tai lĩnh vực lâm nghiệp.
18. Tổng cục Lâm nghiệp, 2021. Báo cáo chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
19. Zhang, D., Stenger, A., 2014. Timber insurance: perspectives from a legal case and a preliminary review of practices throughout the world. *N. Z. J. Forestry Sci.* 44 (Suppl. 1), S9. <http://www.nzjforestryscience.com/content/44/S1/S9>.

Email tác giả liên hệ: luyenpt.ferec@gmail.com

Ngày nhận bài: 21/11/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/11/2023

Ngày duyệt đăng: 25/11/2023